TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19-11-2025

V/v: "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Minh Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cảnh

Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 78/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025, về việc "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Châu E, sinh năm: 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V).

2. Bị đơn: Bà Cao Thị Hương T, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Châu Em trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Cao Thị Hương T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1989 có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới ông bà chung sống với nhau tại ấp N, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V). Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt dẫn đến việc ông bà thường xuyên cự cãi, tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Ông bà sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Hiện tại, ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T.

- Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên Nguyễn Cao Huỳnh N, sinh ngày 21/02/1997, hiện đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên ông không yêu cầu giải quyết. Ông và bà T không có con riêng, không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Ông không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông và bà T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 04/11/2025, ông Châu E có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt do ông bận công việc.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự ngày 15/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Cao Thị Hương T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Châu E về quá trình chung sống như vợ chồng bắt đầu từ năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới bà và ông Châu E sống tại ấp N, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V). Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Châu E có tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên nhậu nhẹt, từ đó không còn quan tâm vợ con. Nay bà đồng ý với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Châu E.

- Về con chung: Bà và ông Châu E có 01 con chung tên Nguyễn Cao Huỳnh N, sinh ngày 21/02/1997, hiện đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Bà và ông Châu E không có con riêng, không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Bà không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông Châu E không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15/10/2025, bà Trà có yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt do bà bận công việc.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Châu E: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T có 01 con chung tên Nguyễn Cao Huỳnh N, sinh ngày 21/02/1997, hiện đã thành niên, tự lao động sinh sống được.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T tự nguyện chung sống từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Châu E có yêu cầu ly hôn với bà Trà thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Châu E xác định vụ án có quan hệ pháp luật "Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án: Bà Cao Thị Hương T là bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã L, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại tòa án.

- Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Châu E, bà T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Châu E, bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Châu E và bà T thống nhất ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông Châu E nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Châu E thì bà T đồng ý vì bà cho rằng quá trình chung sống ông Châu E có tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng không còn yêu thương, ông bà không có khả năng hàn gắn.

Theo biên bản xác minh ngày 15/10/2025, Ủy ban nhân dân xã Lương Phú, tỉnh Vĩnh Long cung cấp thông tin như sau: Ủy ban nhân dân xã đã tiến hành kiểm tra trên hệ thống lưu trữ và sổ bộ đăng ký kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã không có trường hợp đăng ký kết hôn của ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T.

Qua đó có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Châu E và bà T không được đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình và cũng không thuộc trường hợp được công nhận hôn nhân thực tế theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH-10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình cảm tự nguyện, chung thủy từ hai phía và phải đăng ký kết hôn theo quy định mới được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*...". Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Châu E và bà T không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Mặt khác, tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp quy định: "*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*...". Việc ông Châu E yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình nên có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T có 01 con chung tên Nguyễn Cao Huỳnh N, sinh ngày 21/02/1997, hiện đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Nguyễn Văn Châu E phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại tòa án;

Căn cứ các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Châu E.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T có 01 con chung tên Nguyễn Cao Huỳnh N, sinh ngày 21/02/1997, hiện đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Châu E và bà Cao Thị Hương T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Nguyễn Văn Châu E phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004815 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Châu E đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- UBND xã L;
- Phòng THDS khu vực 7 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Minh Thơ